

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2018

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phần

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Viết Tùng

Ông Phạm Bá Xanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 106/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐST ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1993. Địa chỉ: Xóm 10, xã Ngh, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn V, sinh năm 1988; Địa chỉ: Kiêng ki tô – Xi hông xi - Công tan 1 Terô 196 bờn Cil 140 (Chông hoang tông) Tông he ki chon – Hàn Quốc. Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Xã Ngh, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An. Đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Văn S, sinh năm 1959 (Bố anh V).

2. bà Trần Thị L, sinh năm 1962 (Mẹ anh V).

Đều trú tại: Xóm 10, xã Ngh, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An. Ông S, bà L đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 20/8/2018, lời khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Phan Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Ngh, huyện

Ngh, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 06 tháng, vì điều kiện kinh tế gia đình anh V xuất khẩu sang Hàn Quốc lao động thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống giữa hai người không phù hợp nhau. Hơn nữa vợ chồng xa cách không có sự tin tưởng lẫn nhau, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị D yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn V.

- Về con chung: Chị và anh Phan Văn V có một con chung là cháu Phan Gia U sinh ngày 04/3/2015, hiện cháu đang do ông Phan Văn S và bà Trần Thị L là bố mẹ anh V và là ông bà nội của cháu quản lý chăm sóc. Nay ly hôn chị D đề nghị Tòa án giao cháu cho anh V nuôi dưỡng để ông bà nội tiếp tục chăm sóc cháu. Vì hiện chị D thường xuyên phải đi làm ăn xa, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con, hơn nữa cháu Phan Gia U đã ở cùng ông S, bà L từ khi hơn một tuổi cho đến nay. Về cấp dưỡng, vì hiện khó khăn nên chị D đề nghị tạm hoãn cho chị.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau; Vợ chồng không nợ ai cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Phan Văn V: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh Phan Văn V đã biết được chị Nguyễn Thị D làm đơn yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Tại Đơn xin vắng mặt ngày 24/8/2018 anh Phan Văn V đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án mà chị Nguyễn Thị D xin ly hôn anh như sau: Anh Phan Văn V thừa nhận, điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn; Mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị D đã trình bày, nay chị D yêu cầu ly hôn anh V cũng đồng ý.

- Về nuôi con chung: Anh V xác nhận vợ chồng có 01 con chung Phan Gia U sinh ngày 04/3/2015, hiện cháu đang do ông Phan Văn S và bà Trần Thị L là bố mẹ anh V và là ông bà nội của cháu quản lý chăm sóc. Nếu ly hôn anh V có nguyện vọng được Tòa án giao con cho anh V nuôi dưỡng và anh V sẽ nhờ ông S, bà L bố mẹ anh quản lý chăm sóc cháu trong thời gian anh chưa có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia Uy và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung; không vay nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Phan Văn V đang ở nước ngoài, điều kiện khó khăn không thể về nước để tham gia hòa giải, giải quyết vụ án được nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Vợ chồng ông Phan Văn S và bà Trần Thị L trình bày: Ông S, bà L là bố mẹ của anh V và là ông, bà nội của cháu Phan Gia U là người trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Phan Gia U con chung của vợ chồng anh V, chị D trong thời gian hai

người đi vắng từ lúc cháu hơn một tuổi đến nay. Nay vợ chồng anh V, chị D ly hôn ông S, bà L không yêu cầu vợ chồng anh V, chị D phải thanh toán các khoản chi phí mà ông, bà đã chăm sóc cháu. Nếu Tòa án giao cháu Gia Uy cho anh V nuôi dưỡng, vợ chồng ông S, bà L cam kết sẽ quản lý, chăm sóc cháu chu đáo trong thời gian anh V, chị D đi vắng. Ông S, bà L đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Văn V hiện đang ở nước ngoài không thể về nước để hoà giải và trực tiếp tham gia phiên tòa được. Ngày 24/8/2018 anh Phan Văn V đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Đối với vợ chồng ông Phan Văn S và bà Trần Thị L (Ông bà nội cháu) là người trực tiếp quản lý cháu Phan Gia U con chung của vợ chồng chị D, anh V trong thời gian hai người đi vắng, nhưng ông bà không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 207; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc trường hợp không thể hoà giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

Về nội dung: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị D giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn V. Xét thấy, chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 06 tháng, vì điều kiện kinh tế gia đình anh V xuất khẩu sang Hàn Quốc lao động thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống giữa hai người không phù hợp nhau. Hơn nữa vợ chồng xa cách không có sự tin tưởng lẫn nhau, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã lâu hai người không quan tâm đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay cả anh V và chị D đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và hai người thống nhất ly hôn, nên căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho họ được ly hôn nhau.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn V có một con chung Phan Gia U sinh ngày 04/3/2015, hiện cháu đang do ông Phan Văn S và bà Trần Thị L là bố mẹ anh V và là ông bà nội của cháu quản lý chăm sóc. Nay ly hôn cả anh V và chị D đều thống nhất giao con chung cho anh V nuôi dưỡng. Xét sự thống nhất việc giao con chưa thành niên cho anh V nuôi là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên cần giao cháu cho anh V nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng, hiện anh V chưa yêu cầu nên tạm hoãn cho chị D. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về việc quản lý con chung: Vợ chồng ông Phan Văn S và bà Trần Thị L là người trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Phan Gia U trong thời gian vợ chồng anh V, chị D đi vắng. Tuy nhiên ông S, bà L không yêu cầu vợ chồng chị D, anh V phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc cháu Gia Uy và tự nguyện cam kết chăm sóc quản lý cháu trong thời gian anh V, chị D chưa có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Anh Phan Văn V và chị Nguyễn Thị D đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, tự thỏa thuận với nhau; Không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 207; Khoản 1 điều 228; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phan Gia Uy, sinh ngày 04/3/2015 cho anh Phan Văn V nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Phan Văn S và bà Trần Thị L nhận trách nhiệm quản lý, chăm sóc cháu Phan Gia U trong thời gian anh Phan Văn V chưa về nước và chưa có điều kiện trực tiếp nuôi con chung.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn V thống nhất chưa yêu cầu nên Tòa án chưa xem xét. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Phan Văn V và chị Nguyễn Thị D đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, tự thỏa thuận với nhau; Không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0000849 ngày 21/8/2018.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5.2. Ông Phan Văn S và bà Trần Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm.

5.3. Anh Phan Văn V đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Ngh, huyện Ngh, NA,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phần